

Giải nghĩa từ Như Lai (Tathāgata) trong kinh luận Phật giáo

ISSN: 2734-9195 13:50 17/09/2025

“Như Lai” không chỉ là danh hiệu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà còn là nguyên lý tuyệt đối, hiện thân của chân như, đồng thời cũng là cứu cánh để mọi hành giả hướng tới.

Tổng hợp: **Quang Minh**

1. Dịch nghĩa "**Như Lai**"

Tathāgata là một danh xưng gốc Sanskrit và Pāli, xuất hiện ngay trong kinh điển Nikāya. Đây là từ ghép của tathā nghĩa là “*như vậy, đúng như thế, chân như*” và gata nghĩa là “*đi, đã đi*” hoặc āgata nghĩa là “*đến, đã đến*”. Vì thế, có hai cách hiểu song hành: “*người đã đi như vậy*” hay “*người đã đến như vậy*”, đều nhằm chỉ bậc hành xử đúng với chân lý và chứng nhập chân như.

Ngay trong các bài kinh Pāli, đức Phật thường tự xưng là Tathāgata thay cho “*Ta*”, để nhấn mạnh tính vô ngã và sự đồng nhất với chân lý, chứ không phải là một cái “*ngã*” riêng biệt. Ví dụ, Kinh Con Sư Tử Hống (MN 22) mô tả Như Lai là bậc đã đoạn tận ái dục, chứng chính trí, không còn tái sinh. Trong Pháp Cú kệ 353, đức Phật cũng khẳng định: “*Ta là Như Lai, là bậc A-la-hán, Chính đẳng giác...*”

Khi truyền sang Trung Quốc vào thế kỷ II-III, các dịch giả như Cưu-ma-la-thập và Huyền Trang dịch Tathāgata thành 如來 (Như Lai), trong đó “*如*” nghĩa là “*như vậy*”, “*來*” nghĩa là “*đến*”. Cách dịch này thiên về nghĩa tathā + āgata (“*đến như vậy*”), song trong chú giải và các bộ luận, cả hai cách giải thích “*đến*” và “*đi*” đều được thừa nhận.

Như vậy, về nguyên gốc, Tathāgata là một thuật ngữ Pāli/Sanskrit sau được Hán dịch thành “*Như Lai*”. Ý nghĩa cốt lõi của danh xưng này là: bậc giác ngộ đi – đến đúng như thật, sống và giáo hóa thuận theo chân lý, không thêm bớt, không sai khác.



Hình ảnh minh hoạ (sưu tầm).

2. Cách giải thích trong kinh điển

Nikāya/A-hàm

Trong nhiều bản kinh thuộc Nikāya (Pāli) hay A-hàm (Hán dịch), đức Phật thường xưng là Tathāgata, thay cho đại từ nhân xưng “Ta” hay “Như tôi đây”, nhằm nhấn mạnh tính vô ngã và sự đồng nhất với chân lý.

Trung Bộ Kinh (MN 22 – Kinh Sư Tử Hống): Tathāgata được mô tả là bậc đã đoạn tận mọi ái dục, chứng đắc chính trí, không còn tái sinh, siêu vượt vòng sinh tử.

Tăng Chi Bộ (AN 4.23): *“Tathāgato na āgato, na gato, na tiṭṭhati, na cuti, na upapatti; ahetu appaccayā Tathāgatassa dhātu paññāyati.”*

“Tathāgata không đến, không đi, không trụ, không diệt, không tái sanh; bản tính của Như Lai hiển bày như vậy, không do nhân, không do duyên.”

- Qua đó, Nikāya/A-hàm cho thấy “Như Lai” là danh xưng dành cho bậc giác ngộ toàn triệt, không còn bị quy định bởi các phạm trù thế tục.

Đại thừa

Trong kinh điển Đại thừa, từ Tathāgata được khai triển thêm chiều sâu triết học:

Kinh Kim Cang: “如來者□ 無所從來□ 亦無所去□ 故名如來” tức “Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai.” Nghĩa là: Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, bởi chân như vốn thường trụ, vượt ngoài đối đãi đến-đi, hữu-vô.

Kinh Lăng Già: "如來者□ 自覺聖智□ 離於虛妄分別□ 安住真如" tức Như Lai chính là bậc chứng nhập tự tính chân như, lìa bỏ mọi phân biệt hư vọng, an trú trong thật tính bất biến.

Ở đây, **“Như Lai”** không chỉ là danh hiệu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà còn là nguyên lý tuyệt đối, hiện thân của chân như, đồng thời cũng là cứu cánh để mọi hành giả hướng tới.

3. Luận giải của chư Tổ

Bên cạnh kinh điển Nikāya/A-hàm và Đại thừa, các bộ luận cổ cũng dành nhiều trang để giải thích ý nghĩa Tathāgata (Như Lai). Các luận sư đã triển khai từ nhiều góc nhìn, nhưng đều thống nhất ở điểm: Như Lai là danh xưng gắn liền với chân như và chính giác.

Trong Thành Thật Luận, “Như Lai” được giải thích là: "因如實道□ 得成正覺□ 故名如來" tức *“Theo đạo như thật mà chứng thành Chính giác, nên gọi là Như Lai.”*

Ở đây, ý nghĩa được xác lập rõ ràng: Như Lai là bậc đi theo con đường chân như, đạt đến vô thượng chính giác. Như vậy, từ Tathāgata không chỉ nói đến một danh xưng, mà chỉ thẳng đến con đường và kết quả của giác ngộ.

Du Già Sư Địa Luận (Yogācārabhūmi Śāstra): Như Lai là bậc tùy thuận với như thật trí (yathābhūta-jñāna) mà thành tựu giác ngộ. Do đó, “đến” hay “đi” của Như Lai đều tương ứng với chân như, không lệch ra ngoài bản tính pháp giới.

Đại Trí Độ Luận (Mahāprajñāpāramitā Śāstra): Giải thích từ Tathāgata với nhiều tầng nghĩa:

"如來有四義□ 一者如實來□ 二者如實去□ 三者不虛妄□ 四者與三世諸佛等"

“Như Lai có bốn nghĩa: (1) Như thật mà đến, (2) Như thật mà đi, (3) Không hư vọng, (4) Đồng với chư Phật ba đời.”

Qua những giải thích này, “Như Lai” vừa là biểu tượng cho hạnh chân thật, vừa là xác quyết rằng đức Phật chính là bậc đồng nhất với thật tướng vạn pháp.

4. Tổng hợp ý nghĩa

Từ sự phân tích kinh điển và luận giải của chư Tổ, có thể khái quát rằng Tathāgata (Như Lai) hàm chứa nhiều lớp nghĩa phong phú, nhưng tất cả đều xoay quanh trục chân như – chính giác – siêu việt. Năm lớp ý chính có thể được

rút ra như sau:

Đến – đi như thật: Như Lai là bậc hành đạo và giáo hóa luôn thuận theo chân lý, không sai lệch.

Thành tựu chính giác: Như Lai là người đi theo con đường như thật (tathatā), chứng đắc vô thượng chính đẳng chính giác (samyak-saṃbodhi).

Siêu việt khái niệm: Như Lai không thật đến, không thật đi, vượt ngoài hai cực thường – đoạn, đến – đi; vì thế, không thể nắm bắt bằng ngôn ngữ hay phạm trù hữu hạn.

Đồng nhất với chân như: Như Lai không chỉ là một nhân cách lịch sử mà chính là chân như hiển hiện nơi thân Phật, là biểu hiện sống động của thật tướng vạn pháp.

Liên tục tính Phật: Như Lai là danh xưng chung cho tất cả chư Phật ba đời (quá khứ – hiện tại – vị lai), bởi các Ngài đồng chứng cùng một thật tướng, không sai khác.

Từ đó, có thể thấy rằng “Như Lai” vừa là danh hiệu, vừa là định nghĩa về bản thể và công hạnh của Phật: một bậc đã đi – đến theo chân như, thành tựu chính giác, vượt ngoài đối đãi, đồng nhất với thật tính, và nối liền dòng Phật tính bất tận.

Ý nghĩa của “*Như Lai*” không chỉ dừng lại ở một danh hiệu siêu việt, mà còn là kim chỉ nam cho đời sống tu tập của mỗi hành giả:

Ngôn ngữ Như Lai: Lời dạy của đức Phật là như thật ngữ – không hư dối, không thêm bớt, phản ánh đúng thực tại. Người học Phật có thể ứng dụng bằng việc rèn luyện chính ngữ: nói lời chân thật, hòa ái, lợi ích, đúng thời. Như vậy, lời nói trở thành sự phản chiếu trung thực của tâm chân thật.

Hạnh Như Lai: Trong đời sống hàng ngày, nếu hành xử thuận theo chân như – tức thấy biết đúng sự thật, không để tham, sân, si bóp méo nhận thức – thì đó chính là bước đầu thể nhập hạnh Như Lai. Việc sống đúng sự thật, chân thành và thẳng thắn, là sự thực hành thiết thực để đưa “*Như Lai*” vào hiện tại.

Tâm Như Lai: Thực tập quán chiếu vô thường, vô ngã, khổ và không, để dần tiếp cận với như thật trí. Nhờ vậy, tâm không còn bị chi phối bởi những đối đãi đến – đi, được – mất, thành – bại. Giữ tâm bình thản trước thịnh suy chính là cách nuôi dưỡng “*tâm Như Lai*” trong từng hơi thở.

Nói cách khác, Như Lai vừa là danh hiệu lịch sử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vừa là nguyên lý phổ quát của giác ngộ, dành cho tất cả hành giả noi theo. Mỗi người, bằng việc tu tập chính ngữ, hành xử chân thật, và quán chiếu như thật, đều có thể gieo hạt giống “*Như Lai*” trong đời sống của mình.

Tài liệu tham khảo:

1. Trường Bộ Kinh, HT. Thích Minh Châu (dịch), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. HCM, 1991.
2. Trung Bộ Kinh, HT. Thích Minh Châu (dịch), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. HCM, 1992.
3. Thành Thật Luận, Cưu-Ma-La-Thập (dịch), Hán tạng, T26, No. 1646.

Tổng hợp: **Quang Minh**